**Mẫu số 01: Biên bản họp dân**

*(Ban hành kèm theo kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (đã được sửa đổi bổ sung tại* Nghị quyết số 10/2023/NQ*-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| ………, ngày …… tháng …… năm …… |

**BIÊN BẢN HỌP DÂN**

Hôm nay, ngày ….. tháng ….. năm **……,** tại ……………………… tổ chức họp nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia …………………………...

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà)..................................................Chức vụ: ………

- Thư ký cuộc họp: Ông (bà)................................................ Chức vụ ..................

II. Thành phần tham gia:

- …………………….…………………………………………………………...

- …………………….…………………………………………………………...

- Số hộ tham gia: ……….. hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn ………………..

III. Nội dung cuộc họp

1.**Phổ biến điều kiện, chính sách hỗ trợ và các thông tin có liên quan đến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**, cụ thể:

- Điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia)*.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về ban hành quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- …………………….………………………………………………………

- …………………….………………………………………………………

2. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Dự kiến tên dự án là: ………………………………………….....

b) Ý kiến tham gia của các thành phần tham gia cuộc họp:

..…………………….…………………………………………………………...

..…………………….…………………………………………………………...

c) Thống nhất tên dự án là: …………………………………………

Biểu quyết: ……….. hộ/… tổng số hộ tham gia.

**3. Đối tượng tham gia dự án**

a) Ý kiến bình xét đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

..…………………….…………………………………………………………...

..…………………….…………………………………………………………...

..…………………….…………………………………………………………...

..…………………….…………………………………………………………...

b) Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: …… hộ, trong đó: …….. (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, …).

**Lưu ý:** Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày *19/4/2022 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 38/2023/NĐ-CP* *ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).*

- Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo.

4. Xác định kinh phí thực hiện dự án

Trên cơ cở chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khả năng huy động kinh phí hợp pháp khác, cuộc họp đã thảo luận, tính toán, thống nhất kinh phí thực hiện dự án, như sau:

Tổng kinh phí là: …………………………….…... đồng, gồm:

- Đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: ………… đồng

- Vốn tín dụng ưu đãi là: …………………….……… đồng

- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: …………….….. đồng

- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ……… đồng

5. Nội dung hoạt động

5.1. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn các nội dung hoạt động đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

..…………………….…………………...………………………………………...

..…………………….……………………..………………………………………

..…………………….………………………...…………………………………...

Lưu ý: Nguồn ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nội dung *(1) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm, (2) Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi, (3) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm*; vì vậy, cuộc họp bàn bạc, thống nhất lựa chọn trong các nội dung này đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ.

5.2. Cuộc họp bàn bạc, thống nhất các nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng vốn tín dụng ưu đãi:

..…………………….…………………………………………………………...

..…………………….…………………………………………………………...

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

..…………………….…………………………………………………………...

..…………………….…………………………………………………………...

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

..…………………….…………………………………………………………...

..…………………….…………………………………………………………........

Lưu ý: Nêu cụ thể các nội dung hoạt động dự kiến thực hiện từ nguồn kinh phí khác, ví dụ: *(1) Xây dựng, quản lý dự án, (2) Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương, (3) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.*

6. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quy vòng trong cộng đồng

a) Thống nhất tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: ...... %.

b) Thời gian thu, nộp: ...................................................................................

c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: Theo quy định tại Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh.

7. Dự kiến kết quả thực hiện dự án: ……………………...……..……..

*(Nêu cụ thể khối lượng, số lượng sản phẩm dự kiến sau một chu kỳ sản xuất; thị trường tiêu thụ sản phẩm; cải thiện tăng thu nhập cho đối tượng tham gia dự án).*

8. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết: ………………....

IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất để cộng đồng dân cư ……….. xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Cuộc họp đã kết thúc vào …. giờ cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đại diện nhóm hộ/Tổ hợp tác/cộng đồng** | **Đại diện UBND Xã …………..** | **Thư ký** | **Chủ trì cuộc họp** |